

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 561/2019/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn T** – sinh năm: 1966.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà **Nguyễn T** có Luật sư **Phạm Văn H** – Văn phòng Luật sư Phạm Văn H – Đoàn Luật sư Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông **Lê Văn Th** – sinh năm: 1968.

Địa chỉ: ấp H, xã Q, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 33, Điều 38, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời gian 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn T và ông Lê Văn Th.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung:** Bà Nguyễn T và ông Lê Văn Th thống nhất có hai con chung tên Lê Thị D, sinh năm 1992 và Lê Thị P, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995. Chị Lê Thị D và chị Lê Thị P đã thành niên nên bà Nguyễn T và ông Lê Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về tài sản chung:** Giao cho bà Nguyễn T được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất gồm:

- Thửa 391, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.478,8m² loại đất chuyên trồng lúa nước.

- Thửa 302 (558), tờ bản đồ số 18(8), diện tích 565,3m² loại đất chuyên trồng lúa nước.

- Thửa 303 (559) + tách rạch, tờ bản đồ số 18(8), diện tích 3.432,3m² loại đất trồng cây lâu năm.

Cùng tọa lạc ấp C, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Thửa 190, tờ bản đồ số 12, diện tích 5.905,7m² loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp H, xã Q, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và diện tích 111,4m² tách 186-2 phân đất có vị trí như sau:

- Từ cọc mốc số 2 đến cọc mốc số 3 dài 01m

- Từ cọc mốc số 3 đến cọc mốc số 4 dài 114.45m

- Từ cọc mốc số 4 đến cọc mốc số 5 dài 01m

- Từ cọc mốc số 5 đến cọc mốc số 2 dài 114.43m

Loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp H, xã Q, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn T được quyền sở hữu toàn bộ vật kiến trúc và cây trồng trên các thửa đất mà bà Nguyễn T được quyền quản lý, sử dụng.

Giao cho ông Lê Văn Th được quyền quản lý, sử dụng tách thửa 186-1, tờ bản đồ số 13, diện tích còn lại 3.089,4m² (theo các cọc mốc 1, 2, 5, 6, 7, 8,1), loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp H, xã Q, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Ông Lê Văn Th được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên tách thửa 186-1, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.089,4m².

Giao cho ông Lê Văn Th được quyền sở hữu nhà ở chính móng khung bê tông cốt thép, nền gạch men, vách tường, máy lọc tol, trần cách nhiệt, diện tích xây dựng 193,32 m²; nhà phụ khung cột bê tông cốt thép, nền gạch men, vách tường, máy lọc tol, không trần, diện tích xây dựng 31,32m²; máy che tiền chế khung cột sắt, nền gạch bông, máy lọc tol, không vách, diện tích 29,7m² và sân lát gạch, diện tích 134,4 m² nằm trên diện tích 3.089,4m² thuộc tách thửa 186-1, tờ bản đồ số 13, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp H, xã Q, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T về việc yêu cầu chia tài sản chung gồm: Xe mô tô, hiệu Honda, loại xe SH, biển số kiểm soát 64D1-26219; Xe mô tô, hiệu Honda, loại xe Super Dream, biển số kiểm soát 64K3-3294; bộ ghế Salon; bộ ghế bàn giữa; một tủ ly bằng gỗ; một bộ ván ly quần bằng gỗ; 02 giường hộp; 01 giường tròn; 01 tủ lạnh; 01 giường hộp; 01 tivi 55in; 01 máy lạnh.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn T và ông Lê Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chi phí khảo sát đo đạc đất và định giá tài sản là: 6.010.200đ (Sáu triệu không trăm mười nghìn hai trăm đồng). Bà Nguyễn T tự nguyện nộp 3.005.100đ (Ba triệu không trăm lẻ năm nghìn một trăm đồng). Ông Lê Văn Th tự nguyện

nộp 3.005.100đ (Ba triệu không trăm lẻ năm nghìn một trăm đồng). Bà Nguyễn T đã nộp số tiền 6.010.200đ (Sáu triệu không trăm mười nghìn hai trăm đồng) nên buộc ông Lê Văn Th phải nộp số tiền là 3.005.100đ (Ba triệu không trăm lẻ năm nghìn một trăm đồng) để hoàn trả cho bà Nguyễn T.

Về án phí hôn nhân, gia đình và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 9.926.500đ (Chín triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 24.090.000đ (Hai mươi bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) mà bà Nguyễn T đã nộp theo biên lai thu số N⁰0007877, ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn T số tiền còn lại là 13.863.500đ (Mười ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Buộc ông Lê Văn Th phải nộp 19.365.500đ (Mười chín triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng) về chia tài sản chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Tuyên